

BÁO CÁO

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2018
và xây dựng Kế hoạch năm 2019**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ chương trình kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 2016-2021, trên cơ sở số liệu thực hiện 10 tháng đầu năm 2018, UBND tỉnh báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2018 và xây dựng Kế hoạch phát triển năm 2019 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Kinh tế vĩ mô năm 2018 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương triển khai kế hoạch đặt ra. Trong tỉnh, nhà máy Alumin Nhân Cơ, các nhà máy thủy điện hoạt động thuận lợi; thị trường hàng hoá tiếp tục phát triển, chỉ số giá ổn định. Đầu tư kết cấu hạ tầng được tích cực triển khai do Trung ương giao vốn khởi công mới giai đoạn trong năm 2018 và HĐND tỉnh ban hành kế hoạch đầu tư trung hạn NSDP. Tập trung hoàn thiện dự án Khu công nghiệp Nhân Cơ và các dự án trọng điểm kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh. Tuy nhiên, sản xuất còn thiếu bền vững, lĩnh vực nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, giá bán sản phẩm nông nghiệp chủ lực ở mức thấp, gây ảnh hưởng đến thu nhập và mức sống của người dân, lây lan dịch bệnh cây hồ tiêu trên diện rộng, gây nhiều thiệt hại. Phá rừng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, đời sống nhân dân vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn. Cải cách môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, trách nhiệm công vụ và năng suất làm việc tại của bộ máy nhà nước tuy đã có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu.

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/01/2018 về triển khai Nghị quyết 01 của Chính phủ và Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh uỷ, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và những nhiệm vụ giải pháp chỉ đạo điều hành chủ yếu về kinh tế - xã hội năm 2018, giao 08 nhóm giải pháp, 121 hành động cụ thể đến từng sở, ban, ngành và địa phương, trên tinh thần nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp, phát huy tiềm năng, thế mạnh, quyết tâm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội. Lãnh đạo tỉnh luôn sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình, chỉ đạo giải quyết kịp

thời những vấn đề cấp bách; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ; đối thoại với doanh nghiệp, tiếp xúc và lắng nghe phản ánh, nguyện vọng của người dân. Nhờ sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2018 tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả:

I. Về kết quả thực hiện 16 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2018 đặt ra tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh, ước đạt:

1. Có 09/16 nhóm chỉ tiêu vượt KH đề ra, chiếm 56,25%, gồm:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP (tính theo hệ số xây dựng NQ 5 năm) ước đạt 8,21%/KH 7,52%⁽¹⁾.

- Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 46,2%/KH 48%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 15,89%/KH 15,4%; khu vực dịch vụ chiếm 32,85%/KH 31,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 5,06%/KH 5,2%⁽²⁾.

- GRDP bình quân đầu người ước đạt 45,24 triệu đồng/KH 44,85 triệu đồng⁽³⁾.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước 15.281 tỷ đồng/KH 15.000 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước ước đạt trên 2.300 tỷ đồng/KH 2.000 tỷ đồng.

- Tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh ước đạt 61,15%/KH 61%.

- Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm ước 18.280 người/KH 18.000 người; Đào tạo nghề cho 3.949 người/KH 3.800 người.

- Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia tăng thêm 13 trường/KH 8 trường; 68,5% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học/KH 68%.

- Nông thôn mới: có thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới/KH 04 xã⁽⁴⁾ (lũy kế đạt 16 xã), mỗi xã đạt bình quân 12,8 tiêu chí/KH 12,5 tiêu chí.

2. Có 06/16 nhóm chỉ tiêu đạt KH đề ra, chiếm 37,5%, gồm:

- Hạ tầng cấp, thoát nước đô thị: Bảo đảm nguồn nước cho 76%/KH 76% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 88%/KH 88% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 96%/KH 96% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch.

- Hạ tầng cấp điện: Số hộ được dùng điện ước đạt 97,5%/KH 97,5%; Tỷ lệ thôn, bon, buôn có điện lưới Quốc gia 99%/KH 99%.

- Dân số bình quân ước đạt 644 ngàn người/KH 635 ngàn người (chỉ tiêu theo dõi), tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%.

- Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo ước 2,5%/KH 2%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm 5%/KH 5%.

¹ Tốc độ tăng trưởng GRDP 2018 (theo hệ số chi phí trung gian mới) đạt 7,32%/KH 7,15%.

² Cơ cấu kinh tế (theo hệ số chi phí trung gian mới): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 43,17%/KH 47,8%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 17,61%/KH 16,9%; khu vực dịch vụ chiếm 36,63%/KH 32,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 2,59%/KH 2,9%.

³ GRDP bình quân đầu người (theo hệ số chi phí trung gian mới) đạt 41,4 triệu đồng/KH 38,63 triệu đồng.

⁴ Gồm các xã: Trúc Sơn, Thuận An, Quảng Tín, Kiến Thành, Đăk Ru, Đăk Nia.

- Y tế: Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 85%/KH 84,9%; riêng chỉ tiêu tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế đạt 56,3%/KH 56,3%.

- Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 78%/KH 78%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 75,79%/KH 73%; Xã, phường, thị trấn văn hóa 29,58%/KH 24,5%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 88,8%/KH 88,8%.

3. Tuy nhiên có 01/16 nhóm chỉ tiêu không đạt kế hoạch, chiếm 6,25%, nhóm chỉ tiêu Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng ước 39,15%/KH 40%; trồng mới rừng tập trung đạt 1.630 ha/KH 1.834 ha; Giảm 10% số vụ và 40% diện tích rừng bị phá/KH giảm 50% số vụ và diện tích. *Tỉ lệ che phủ rừng giảm 0,27% so với đầu năm nguyên nhân do chênh lệch số liệu thực tế bàn giao giữa các công ty lâm nghiệp giải thể và các địa phương tiếp nhận. Tình hình phá rừng, vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng tuy có cải thiện nhưng vẫn diễn biến phức tạp, giảm 10% số vụ và 40% về diện tích so với cùng kỳ, xảy ra 06 vụ cháy rừng, thiệt hại 4,65 ha. Trồng rừng tập trung được 1.630 ha, đạt 88%KH, do quỹ đất trống quy hoạch cho phát triển rừng hiện còn rất ít, đa số quỹ đất đã bị người dân lấn chiếm, canh tác, do đó trong quá trình triển khai trồng rừng gặp các hành vi chống đối, cản trở. Ngoài ra, thời tiết năm nay mưa nhiều, nên nhiều đơn vị chủ rừng có diện tích rừng trồng lớn chưa thể triển khai, ảnh hưởng đến KH trồng rừng.*

Như vậy, ước thực hiện năm 2018, toàn tỉnh đã thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH đã đề ra, số chỉ tiêu đạt và vượt chiếm 93,75%, cao nhất từ đầu nhiệm kỳ đến nay.

II. Về lĩnh vực phát triển kinh tế, hạ tầng:

1. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 tiếp tục duy trì tốc độ ổn định, GRDP (giá 2010) ước đạt 19.217 tỷ đồng, tăng 8,21%/KH 7,52%; trong đó: Lĩnh vực Nông nghiệp ước đạt 8.288 tỷ đồng, tăng 5,96%/KH 6,18%⁽⁵⁾; Lĩnh vực Công nghiệp xây dựng ước đạt 3.137 tỷ đồng, tăng 12,04%/KH 11,21%⁽⁶⁾; Lĩnh vực Dịch vụ ước đạt 6.601 tỷ đồng, tăng 9,07%/KH 7,65%⁽⁷⁾; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp ước đạt 1.191 tỷ đồng, tăng 9,77%/KH 7%. Tăng trưởng kinh tế vượt KH đề ra kéo theo chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, vượt KH đề ra.

2. Công nghiệp: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 15%. Phần lớn sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá so với cùng kỳ, đạt và vượt kế hoạch đề ra⁽⁸⁾, nhà máy Alumin Nhân Cơ sản xuất vượt 24%KH. Hoạt động thu hút đầu tư và sản xuất tại các khu công nghiệp chuyển biến tích cực⁽⁹⁾. Tiến hành

⁵ Tăng trưởng của khu vực nông nghiệp chủ yếu do sản lượng cà phê tăng 8,98%; sản lượng tiêu tăng 35,38%; cao su tăng 31,88%, lúa tăng 14,79%, ngô tăng 16,92%, bơ tăng 208%, đàn dê tăng 79%.

⁶ Tăng trưởng của khu vực công nghiệp chủ yếu do sản phẩm Alumin tăng 23,5%; ván MDF tăng 41,8%, điện thương phẩm tăng 14,5%; cát xây dựng tăng 10%; mù cao su tăng 33%, nước máy tăng 39%.

⁷ Tăng trưởng của khu vực dịch vụ chủ yếu do tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ ước đạt 14.641 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2017.

⁸ Nhà máy Alumin Nhân Cơ hoạt động ổn định, sản lượng Alumin ước đạt 620 nghìn tấn, tăng 24%; ván MDF ước đạt 70,9 nghìn m³, tăng 42%; nước máy ước đạt 4.320 nghìn tấn, tăng 39%.

⁹ Thu hút được thêm 04 dự án đầu tư mới vào khu công nghiệp Tâm Thắng, vốn đăng ký 219,5 tỷ đồng, diện tích đất thuê lại 26 ha; lũy kế có 40 dự án đầu tư với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 17.871 tỷ đồng, vốn thực hiện

làm việc với các cơ quan Trung ương, xác định vị trí diện tích, trữ lượng khoáng sản bô xít đối với khu vực quy hoạch Khu công nghiệp Nhân Cơ 2. Tiếp tục đẩy nhanh thi công các hạng mục nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông⁽¹⁰⁾.

Tuy nhiên, một số nhà máy lớn thiếu nguyên liệu sản xuất nên sản lượng giảm⁽¹¹⁾. Việc đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp tiếp tục gặp nhiều vướng mắc, trong 05 cụm công nghiệp trong quy hoạch hiện nay mới có 02 cụm công nghiệp được đầu tư cơ sở hạ tầng nhưng thu hút đầu tư còn hạn chế⁽¹²⁾.

3. Nông nghiệp và nông thôn: Do thời tiết trong năm mưa nhiều, canh tác tương đối thuận lợi nên tổng sản lượng lương thực tăng 16%, ước đạt 465,7 ngàn tấn/KH 413,9 ngàn tấn, nhìn chung tình hình dịch hại trên các loại cây trồng (trừ cây hồ tiêu) không đột biến so với các năm, không ảnh hưởng lớn tới sinh trưởng và sản lượng của cây trồng. Ngành chăn nuôi, thủy sản tái đàn và phát triển mạnh⁽¹³⁾ do không để xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm trên vật nuôi và thị trường chăn nuôi diễn biến thuận lợi. Hoàn thành các đợt tiêu độc, khử trùng dịch bệnh trên toàn tỉnh, chống lây lan các dịch bệnh nguy hiểm.

Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đắk Nông⁽¹⁴⁾. Dự kiến toàn tỉnh có thêm 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế 16/61 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 12,87 tiêu. Triển khai các hạng mục đầu tư hạ tầng trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh⁽¹⁵⁾, ban hành quyết định phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tuy nhiên, dịch bệnh trên cây hồ tiêu diễn biến nghiêm trọng, gây nhiều thiệt hại đối với các vùng sản xuất tiêu trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Ngành nông nghiệp đã tích cực hướng dẫn phòng, trừ dịch hại, sâu bệnh, giảm thiểu tối đa tác hại của dịch bệnh. Giá một số nông sản chủ lực của tỉnh (cà phê, hồ tiêu...) tiếp tục giữ ở mức thấp do thị trường thế giới dư cung, vượt mức cầu, ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập và mức sống của người dân, tác động trực tiếp đến thị trường tiêu thụ và các vấn đề về an sinh, xã hội của tỉnh.

4. Thương mại, dịch vụ và du lịch: Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ ước đạt 14.641 tỷ đồng, đạt KH, tăng 19% so với cùng kỳ. Khối lượng vận chuyển hành khách tăng 6,4%; khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng 5,3%. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.158 triệu USD, đạt 116%KH⁽¹⁶⁾,

3.211 tỷ đồng, giải quyết việc làm thường xuyên cho khoảng 1.500 lao động. Khu công nghiệp Nhân Cơ có 01 dự án đầu tư, vốn thực hiện đạt 1.900 tỷ đồng/vốn đăng ký 15.480 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy đạt 86,5%.

¹⁰ Đến nay đã hoàn thành: Văn phòng nhà điều hành, nhà chuyên gia, cán bộ và công nhân; xưởng gia công thiết bị điện phân, xưởng làm sạch, nhà khí thiết bị; các hạng mục đang tập trung thi công: Lắp đặt kết cấu thép xưởng điện phân, xưởng gắn cực dương, xưởng đúc.

¹¹ Còn công nghiệp giảm 8,5%; gỗ cưa xẻ giảm 12%; bàn, ghế, giường tủ bằng gỗ giảm 32%...

¹² CCN Thuận An; CCN BMC hiện nay vẫn chưa thu hút được nhà đầu tư.

¹³ Tổng đàn trâu đạt 5.250 con, giảm 250 con so với cùng kỳ; đàn bò đạt 33.000 con, tăng 1.400 con so với cùng kỳ; tổng đàn heo đạt 240.000 con; tổng đàn gia cầm đạt 2.200.000 con; tổng đàn dê đạt 17.900 con, tăng 7.900 con và thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 45.000 tấn. Tổng sản lượng thủy sản đạt 4.850 tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ.

¹⁴ Tại Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh.

¹⁵ Các hạng mục thuộc dự án VnSAT: Xây lắp vườn ươm giống đầu dòng, vườn nhân chồi; Hạng mục do BQL DA Nông nghiệp triển khai gồm: Hệ thống cấp nước, hồ chứa phục vụ tưới tiêu, hệ thống giao thông.

¹⁶ Một số mặt hàng tăng cao so với cùng kỳ như ván MDF tăng 311%, Alumin tăng 68%.

tăng 12% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 350 triệu USD, đạt 269%KH, tăng 94% so với cùng kỳ, chủ yếu là do tăng nhập điều nguyên liệu và máy móc, trang thiết bị. Nhu cầu hàng hóa của người dân được đảm bảo, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa hay tăng giá đột biến. Tổ chức và tham gia các hội chợ đẩy mạnh xúc tiến thương mại trong nước và ngoài nước. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường, nhất là đối với mặt hàng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu chế biến gỗ.

Tổng lượt khách du lịch ước đạt 304 nghìn lượt khách, tăng 1,3% so với cùng kỳ. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ Công viên địa chất Đắk Nông trình UNESCO công nhận là công viên địa chất toàn cầu. Tiến hành kêu gọi các doanh nghiệp lớn đầu tư vào các khu du lịch của tỉnh, tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến du lịch. Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho quản lý, nhân viên tại các khu, điểm du lịch, các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh và nâng cao kiến thức quản lý nhà nước về du lịch cho cán bộ cơ sở. Phê duyệt đề án phát triển các sản phẩm du lịch, xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng gắn liền với Công viên địa chất Đắk Nông.

5. Huy động nguồn vốn và đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư toàn xã ước đạt 15.281 tỷ đồng, tăng 15%. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 là 2.415 tỷ đồng; ước giải ngân đạt 86% kế hoạch. Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; kiên quyết cắt giảm, điều chỉnh các dự án chậm triển khai, thực hiện để bổ sung vốn cho các dự án thực hiện tốt hơn. Công tác thẩm định dự án được kiểm soát chặt chẽ về quy mô dự án và hiệu quả kinh tế - xã hội, xác định rõ nguồn vốn đầu tư.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng: Hoàn chỉnh đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035, định hướng đến năm 2050. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh ước đạt 26%⁽¹⁷⁾. Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch đạt 96%, tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100%. Tập trung thực hiện chương trình nhà ở cho người có công với cách mạng, hỗ trợ nhà cho hộ nghèo theo KH. Tỷ lệ số thôn, buôn có lưới điện đạt 99%, tỷ lệ số hộ sử dụng điện đạt 97,5%⁽¹⁸⁾.

Toàn tỉnh đã xây dựng, cải tạo được 85km, nâng tỷ lệ nhựa hóa đường tỉnh từ 59% lên 61,15%/KH 61% (trong đó đường huyện từ 88% lên 92%/KH 92%). Tổ chức công tác duy tu bảo dưỡng đối với các tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ, xử lý các điểm nóng tiềm ẩn tai nạn giao thông; phối hợp với các địa phương quản lý hành lang an toàn đường bộ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tăng cường công tác giám sát hành trình các phương tiện góp phần đảm bảo an toàn giao thông. Đề xuất Tổng cục Đường bộ Việt Nam bổ sung điều chỉnh Quốc lộ 28 trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam. Đầu tư xây dựng 16/KH 59 cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh do Tổng cục Đường bộ làm chủ đầu tư.

¹⁷ Bao gồm các khu vực đã được Bộ Xây dựng công nhận đạt đô thị loại V: gồm trung tâm huyện Đắk Glong, Trung tâm huyện Tuy Đức và phần mở rộng 02 thị trấn Kiến Đức và Đức Lập.

¹⁸ Hạ tầng điện toàn tỉnh có 1.756 km đường dây trung áp, 1.897 km đường hạ áp, 1.897 trạm biến áp.

Các dự án trọng điểm như dự án Cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhân Cơ tiến độ thi công xây dựng cơ bản đáp ứng kịp cho công tác xây dựng, vận chuyển và lắp đặt thiết bị của Nhà đầu tư Công ty TNHH luyện kim Trần Hồng Quân. Dự án Hồ Gia Nghĩa đang được thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, phân đấu cơ bản giải ngân nguồn vốn TPCP được giao trong năm. Trường cao đẳng Cộng đồng, các gói thầu xây lắp giai đoạn 1 đã thi công đạt trên 98%, đang chờ ký hiệp định vay vốn ODA. Đường Đạo Nghĩa Quảng Khê giải ngân 100% số vốn chuyển nhiệm chi năm 2017 qua năm 2018.

7. Thu chi ngân sách và hoạt động ngân hàng: Thu ngân sách nhà nước đạt khá, ước đạt trên 2.300 tỷ đồng, đạt 115% dự toán HĐND tỉnh giao, các khoản thu từ thủy điện tăng mạnh và sản lượng Alumin tăng cao; riêng thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết không đạt do vé số kiến thiết Đắc Nông bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi vé số Vietlott và vé số truyền thống các tỉnh khác. Chi ngân sách địa phương ước đạt 7.521 tỷ đồng, đạt 116% dự toán HĐND tỉnh giao. Chi ngân sách địa phương được kiểm soát chặt chẽ, ưu tiên thực hiện trả nợ vay, tăng chi đầu tư phát triển; đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ an ninh quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương. Tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng⁽¹⁹⁾ đạt 7.450 tỷ đồng, tăng 0,68% so với đầu năm, trong đó huy động dài hạn chiếm 23%. Tổng dư nợ đạt 24.931 nghìn tỷ đồng⁽²⁰⁾, tăng 16% so với đầu năm.

8. Phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh: Trong năm ước có 449 doanh nghiệp thành lập mới⁽²¹⁾, tăng 24%, vốn đăng ký 2.482 tỷ đồng, tăng 241% so với cùng kỳ. Lũy kế tổng số doanh nghiệp đăng ký là 4.614 doanh nghiệp, trong đó có 2.957 doanh nghiệp đang hoạt động, chiếm 64%. Rút ngắn thời gian đăng kể đối với các thủ tục hành chính đối với sản xuất, kinh doanh⁽²²⁾. Rà soát, xử lý chồng chéo đối với các kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, kiểm tra tối đa 01 lần/năm.

Tập trung kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ. Tiếp tục sắp xếp đổi mới 08 doanh nghiệp nhà nước⁽²³⁾, hoàn thành việc chế độ báo cáo, công bố thông tin doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Đối với 04 doanh nghiệp thực hiện công tác cổ phần hóa⁽²⁴⁾ đều chậm tiến độ so với kế hoạch do các công ty chưa nghiêm túc triển khai thực hiện, thiếu tinh thần trách nhiệm. Công tác thoái vốn nhà nước chậm so với kế hoạch đề ra do gặp vướng mắc

¹⁹ Gồm có: NHNN chi nhánh tỉnh; 01 chi nhánh NHTM 100% vốn nhà nước; 02 chi nhánh NHTMCP Nhà nước chiếm cổ phần chi phối; 03 Chi nhánh NHTMCP; 01 chi nhánh NH CSXH và 03 QTDND.

²⁰ Trong đó: Cho vay nông nghiệp nông thôn chiếm 66% tổng dư nợ; Cho vay tái canh cây cà phê đạt 44 tỷ đồng; Cho vay tín dụng chính sách ước đạt 2.389 tỷ đồng, cho 68.164 hộ trên địa bàn tỉnh.

²¹ Có 60 doanh nghiệp tự nguyện giải thể, giảm 2,17% so với cùng kỳ; Có 46 doanh nghiệp tự nguyện tạm ngưng hoạt động, tăng 43,3% so với cùng kỳ; phần lớn những doanh nghiệp tự nguyện giải thể là những doanh nghiệp có quy mô vốn siêu nhỏ, không thể cạnh tranh.

²² Trong đó: Rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp mới không quá 2 ngày, cấp mã số doanh nghiệp không quá 12 tiếng; thời gian cấp phép xây dựng từ 30 ngày xuống còn 10 ngày; thời gian tiếp cận điện năng còn 6 ngày; thời gian thủ tục bảo hiểm bắt buộc còn 45 giờ.

²³ Các công ty TNHH MTV: Đại Thành, Đắc Wil, Nam Tây Nguyên, Đắc N'tau, Đức Hòa và Quảng Sơn

²⁴ Công ty Cà phê Đức Lập, Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An, Nam Nung, Sách và Thiết bị trường học.

trong cơ chế chính sách của nhà nước⁽²⁵⁾; bên cạnh đó, các công ty chưa chủ động phối hợp các sở, ngành để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tiếp tục thực hiện phương án giải thể 06 công ty⁽²⁶⁾, Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV Quảng Tín, Trường Xuân cơ bản hoàn thành, còn 04 hội đồng giải thể vẫn còn khó khăn, vướng mắc như công nợ khó đòi; tồn đọng 139/500 hợp đồng chưa được xử lý; chưa hoàn thành việc thu hồi, bàn giao đất, tài sản.

Trong năm, cấp mới chủ trương đầu tư 18 dự án đầu tư, với tổng vốn đầu tư 1.567 tỷ đồng (trong đó có 1 dự án FDI, 04 dự án đầu tư trong Khu công nghiệp). Ban hành trình tự, thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách giảm 20 ngày so với quy định của Luật Đầu tư và Luật Đất đai. Kiên quyết thu hồi chủ trương đầu tư đối với các dự án chậm triển khai.

Tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nghiệp theo định kỳ⁽²⁷⁾. Triển khai mô hình cà phê doanh nhân vào thứ 5 hàng tuần để Lãnh đạo tỉnh trực tiếp gặp gỡ doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn vướng mắc; tư vấn, hỗ trợ hơn 100 doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện miễn phí thủ tục hành chính. Tổ chức đoàn công tác làm việc với tập đoàn FLC, tập đoàn T&T để kêu gọi đầu tư một số dự án hạ tầng đô thị và du lịch trọng điểm, hiện nay nhà đầu tư đang đề xuất tỉnh lập quy hoạch chi tiết, khảo sát, đánh giá đầu tư. Bên cạnh đó, đã triển khai nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư, nổi bật như: Chương trình “Đắk Nông - Mùa bơ chín” năm 2018, góp phần quảng bá hiệu quả sản phẩm bơ của tỉnh đến thị trường trong và ngoài nước.

9. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường: Công bố Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 10/5/2018 của Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2019-2020) tỉnh Đắk Nông. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Điều chỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, xây dựng phương án giá đất cho các dự án trên địa bàn. Thực hiện các thủ tục về đất đai và tài nguyên theo quy định cho các đơn vị tổ chức⁽²⁸⁾. Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường Nhà máy Alumin Nhân Cơ. Tổng kết thực hiện Kế hoạch 437 về quản lý và bố trí sử dụng trên 63 ngàn ha đất có nguồn gốc từ đất rừng.

III. Về phát triển văn hóa, xã hội:

²⁵ Công ty CP Đăng kiểm xe cơ giới và Công ty Cổ phần Quản lý, sửa chữa đường bộ đã thực hiện bán phần vốn nhà nước tuy nhiên gặp vướng mắc do trùng thời điểm giao thời giữa Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/5/2018

²⁶ Các CT TNHH MTV lâm nghiệp: Gia Nghĩa, Thuận Tân, Quảng Đức, Quảng Tín, Trường Xuân và Đức Lập.

²⁷ Đã tiếp nhận, xử lý và chuyển 139 ý kiến, kiến nghị của 69 doanh nghiệp, trong đó: 07 kiến nghị tại Hội nghị gặp mặt đối thoại doanh nghiệp đầu năm 2018, 50 kiến nghị tại 16 buổi Cà phê doanh nhân, 56 kiến nghị tiếp nhận qua khảo sát từ các doanh nghiệp và 26 kiến nghị tại Hội nghị đối thoại doanh nghiệp lần 2 năm 2018. Các kiến nghị tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực liên quan đến các Sở, ngành như: Sở Tài nguyên và Môi trường (24) kiến nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (19), Sở Kế hoạch và Đầu tư (19), Sở Tài chính (23),....

²⁸ Cấp mới 18, thu hồi 14, điều chỉnh 01 giấy CNQSDĐ cho các đơn vị tổ chức; Cấp mới 10.051 hồ sơ, cấp lại 9.149 hồ sơ cho cá nhân, hộ gia đình. Tổ chức thẩm định và đề nghị cấp 04 giấy phép về khai thác, 02 giấy phép thăm dò khoáng sản và 10 giấy phép thăm dò nước, 05 giấy phép khai thác nước. Phê duyệt 16 báo cáo ĐTM, 02 phương án CPM, 04 đề bán BVMT chi tiết và xác nhận hoàn thành công trình BVMT 02 dự án.

1. Hoạt động văn hóa: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước cũng như của địa phương; tổ chức 45 chương trình văn nghệ cấp tỉnh phục vụ các sự kiện chính trị, 57 buổi biểu diễn văn nghệ cơ sở, 100 lượt chiếu phim phục vụ cơ sở, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số⁽²⁹⁾ và một số hoạt động kỷ niệm 15 năm thành lập tỉnh⁽³⁰⁾. Tham gia liên hoan ca múa nhạc toàn quốc năm 2018, đạt 01 HCV và 03 HCB.

Tổ chức 02 cuộc trưng bày thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh, 11 cuộc trưng bày sách, báo, tạp chí; tiếp nhận 2.948 hiện vật khảo cổ học của Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam bàn giao trong quá trình khai quật tại hang động núi lửa Krông Nô. Trình Trung ương xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” và “Nghệ nhân ưu tú” lần 2 năm 2018 đối với 26 nghệ nhân. Xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Đồn Pu Prăng, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục đạt được nhiều kết quả⁽³¹⁾. Tổ chức hội thi và các hoạt động kỷ niệm ngày gia đình Việt Nam và tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Thể dục và thể thao: Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được đẩy mạnh, tổ chức 14 giải thể thao cấp tỉnh⁽³²⁾, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Đăng cai tổ chức thành công Giải vô địch các câu lạc bộ Kickboxing toàn quốc năm 2018; tổ chức giải bóng chuyền Cup PV Đạm Cà Mau năm 2018. Tổ chức thành công Đại hội Thể dục thể thao tỉnh lần thứ IV. Tham gia thi đấu 10 giải thi đấu khu vực và toàn quốc⁽³³⁾. Số người luyện tập TDTT thường xuyên đạt 25,3%, số gia đình luyện tập TDTT đạt 15%. Tăng cường công tác huy động xã hội hóa thể dục thể thao, đầu tư cơ sở hạ tầng thể thao, đạt hiệu quả⁽³⁴⁾.

3. Giáo dục và đào tạo: Quy mô ngành giáo dục tiếp tục mở rộng, hiện toàn ngành có 402 cơ sở với 170.592 học sinh, kiểm tra và công nhận thêm 13 trường đạt chuẩn quốc gia/KH 8 trường, nâng tổng số đạt 121 trường học đạt chuẩn quốc gia. Tổ chức các kỳ thi dành cho học sinh các cấp và tham gia các

²⁹ Kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2018); mừng Đảng - mừng Xuân Mậu Tuất 2018; Ngày Quốc tế phụ nữ (08/3); 87 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Giỗ tổ Hùng Vương; Kỷ niệm 43 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4 và ngày Quốc tế Lao động 01/5; Kỷ niệm 128 năm ngày sinh nhật Bác; kỷ niệm 73 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9...; chương trình văn nghệ “Âm nhạc đường phố”; Chương trình Hội nghị gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp đầu năm và triển khai phong trào Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam; Chương trình văn nghệ đón tiếp Đoàn lãnh đạo cấp cao tỉnh Mondulkiri sang thăm và chúc Tết Cổ truyền dân tộc Việt Nam; Chương trình gặp mặt đại diện văn nghệ sĩ tri thức tiêu biểu đầu xuân

³⁰ Cuộc thi sáng tác Logo Công viên địa chất núi lửa Krông Nô - Đắk Nông và trại sáng tác nghệ thuật; Lễ hội văn hoá thổ cẩm Việt Nam tại Đắk Nông lần thứ I;...

³¹ Đến nay, toàn tỉnh có 108.779/139.895 hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá (đạt 77,76%); 598/789 thôn, bon, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá (đạt 75,79%); 838/935 cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hoá (đạt 89,3%) và 21/71 xã, phường đạt chuẩn văn hoá (đạt 29,58%).

³² Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và giải Việt dã tỉnh Đắk Nông lần thứ XIII; Giải Vô địch Bóng đá mini Nam tỉnh Đắk Nông lần thứ III; Giải Vô địch Bóng chuyền nam - nữ tỉnh Đắk Nông lần thứ IX năm 2018; giải Vô địch bóng bàn tỉnh Đắk Nông lần thứ VIII; giải Vô địch Karate tỉnh Đắk Nông lần thứ XI; giải Vô địch Taekwondo tỉnh Đắk Nông lần thứ VII, giải Vô địch Quần vợt tỉnh Đắk Nông lần thứ III năm 2018; giải vô địch Cầu lông, Cờ vua, Điền kinh, Đẩy gậy, Kéo cơ, Cờ tướng.

³³ Kết quả đạt được 46 huy chương các loại, trong đó có 12 HCV, 15 HCB và 19 HCD

³⁴ Toàn tỉnh có 94 sân bóng đá mini cơ nhân tạo, 10 bể bơi, 38 sân quần vợt, 230 sân bóng chuyền; 05 sân bóng rổ và 02 khu TDTT được đầu tư xây dựng bằng nguồn xã hội hóa và hoạt động có hiệu quả, là nơi tập luyện TDTT thường xuyên cho người dân trên địa bàn toàn tỉnh.

cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và đạt kết quả cao; số học sinh đạt giải khoa học kỹ thuật, số học sinh giỏi quốc gia ngày càng tăng. Hoàn thành kế hoạch thời gian năm học 2017-2018 đúng tiến độ. Tổ chức thành công kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 an toàn, hiệu quả, nghiêm túc và đúng quy chế, tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 97,43% thí sinh. Triển khai năm học 2018-2019 đảm bảo yêu cầu chất lượng.

4. Y tế: Hoàn thiện hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở, đã thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông trên cơ sở sáp nhập 5 trung tâm y tế dự phòng; tổ chức lại Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã đa chức năng trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị tuyến huyện là Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện/thị xã và Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình huyện/thị xã.

Công tác khám chữa bệnh được cải thiện, công suất sử dụng giường bệnh đạt 84%, nhiều kỹ thuật mới được triển khai, các bệnh viện thực hiện tốt công tác cải thiện chất lượng. Tổ chức các đợt khám, phòng chống dịch bệnh tại các địa phương⁽³⁵⁾, chủ động phòng chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển, có 40/71 TYT đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đủ điều kiện khám, chữa bệnh, đạt 56,3%. Tập trung và lồng ghép nguồn lực đầu tư sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị y tế.

5. Bảo trợ, an sinh xã hội và giảm nghèo: Chi trả kịp thời chế độ trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 9.346 đối tượng, tập trung chăm sóc và nuôi dưỡng cho 74 đối tượng bảo trợ xã hội. Hỗ trợ gạo cứu đói dịp Tết nguyên đán cho 27.294 khẩu với 409 tấn gạo; dịp giáp hạt cho 27.595 khẩu với 413 tấn gạo. Tập trung chăm lo đời sống cho người có công, hiện toàn tỉnh có 14.000 người có công hưởng trợ cấp, đảm bảo chế độ kịp thời và đúng đối tượng. Xây dựng môi trường an toàn, thân thiện và lành mạnh, thực hiện tốt hơn các quyền cơ bản của trẻ em⁽³⁶⁾. Tuyên truyền công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ.

Tổ chức xây dựng các mô hình giảm nghèo, hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định để tăng thu nhập, hỗ trợ các điều kiện để cơ bản cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh và tiếp cận thông tin⁽³⁷⁾. Kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018, ước hộ nghèo chiếm 14,07%, giảm 2,5%/KH 2%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ 39,45%, giảm 5%/KH 5%.

³⁵ 05 đợt khám phát hiện sớm sốt rét tại cộng đồng huyện Đắk Mil, Cư Jut, Đắk G'long và Tuy Đức. Tổ chức hỗ trợ phòng chống dịch bệnh tại 12 xã thuộc 03 huyện Đắk Song, Đắk Mil, Đắk R'lấp, tiến hành 02 đợt phun hoá chất phòng chống sốt xuất huyết.

³⁶ Dịp Tết Nguyên đán Bình Thân tổ chức thăm, tặng 3.109 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc gia đình chính sách, trẻ em trong các hộ gia đình nghèo với tổng số tiền 596.010.000 đồng; Nhân Tháng hành động vì trẻ em năm 2018, Quỹ Bảo trợ trẻ em tặng 30 suất học bổng cho trẻ nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vượt khó vươn lên học khá, giới với tổng số tiền 15.000.000 đồng tại huyện Tuy Đức; hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức 18.000.000 đồng thực hiện công tác tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em năm 2018.

³⁷ Ban hành kế hoạch hỗ trợ nhà đối với người nghèo, trong năm 2018 có 220 hộ nghèo được vay vốn làm nhà. Cấp bảo hiểm y tế cho 95.079 hộ nghèo, 18.880 hộ cận nghèo và 109.374 khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm: Tư vấn về chính sách pháp luật lao động, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động và tuyên truyền hỗ trợ định hướng nghề nghiệp; tổ chức 14 phiên giao dịch việc làm lưu động tại các xã, huyện. Tạo được việc làm mới cho 18.280 lượt người, đạt 100%KH, số lao động đi làm việc ở nước ngoài là 170 lao động, đạt 102%KH. Xét duyệt cho vay 1.381 dự án với số tiền 43 tỷ đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 41%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 32%. Quản lý và sử dụng lao động người nước ngoài đúng quy định. Đào tạo nghề cho 3.949 lượt người, đạt 103%KH. Tổ chức lễ công bố thành lập trường Cao đẳng Cộng đồng.

7. Thông tin, phát thanh và truyền hình, khoa học công nghệ: Phát thanh, truyền hình, báo chí chủ động bám sát định hướng tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, thông tin các sự kiện nổi bật của tỉnh Đắk Nông và đất nước. Định kỳ tổ chức họp báo cung cấp thông tin các vấn đề dư luận quan tâm. Hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động ổn định đảm bảo phục vụ công tác cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; công tác an toàn an ninh thông tin được tuyên truyền phổ biến rộng rãi. Triển khai khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 1.0. Duy trì và đảm bảo tốt thời lượng các chương trình phát thanh và truyền hình địa phương, đạt 100%KH đề ra. Triển khai 13 nhiệm vụ khoa học công nghệ, tổ chức các hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh. Tổ chức hội thảo khoa học công nghệ cơ sở lần thứ XI với hơn 160 đại biểu tham gia. Tổ chức xét duyệt cho 87/124 sáng kiến cấp tỉnh, xét duyệt 270/348 sáng kiến ngành giáo dục đào tạo.

IV. Về nội chính, đối ngoại và an ninh quốc phòng

1. Cải cách hành chính, công tác nội chính, tư pháp: Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính để kịp thời công bố mới, thay thế, bãi bỏ, rút ngắn thời gian giải quyết và cập nhật đầy đủ vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Đã phê duyệt phương án cắt giảm thời gian giải quyết đối với 169 thủ tục hành chính, trong đó các thủ tục được cắt giảm thời gian từ 20-50%. Qua đó, được nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao.

Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng về tinh gọn tổ chức, bộ máy theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; đến nay có toàn bộ 19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã gửi đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy, mỗi đơn vị đề xuất giảm từ 02-04 đầu mối bên trong, tổng cộng giảm từ 145 phòng xuống còn 103 phòng, giảm từ 15 chi cục trực thuộc xuống còn 10 chi cục, giảm số lượng lãnh đạo, quản lý. Ban hành quyết định phê duyệt khung năng lực vị trí, việc làm đối với UBND cấp huyện và đang hoàn thiện mô tả đối với sở, ban, ngành cấp tỉnh. Triển khai đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trên toàn tỉnh. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được nâng cao⁽³⁸⁾. Cập nhật 25 văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật; rà soát, báo cáo Trung

³⁸ Thẩm định 14 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; góp ý 108 dự thảo văn bản Trung ương và địa phương. Tự kiểm tra 18 văn bản của UBND cấp tỉnh; Thực hiện rà soát 31 văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh liên quan đến các lĩnh vực như đất đai, khoáng sản, môi trường

ương những bất cập, chồng chéo, vướng mắc giữa các quy định của pháp luật liên quan đến việc tiếp cận đất đai của người dân và doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

2. Công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng: Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại trên địa bàn tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực, thực hiện nghiêm lịch tiếp công dân định kỳ hàng tháng và công khai lịch tiếp công dân, kết quả tiếp công dân của lãnh đạo đến cấp xã trên Cổng thông tin điện tử. Tình hình tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh nhìn chung tăng⁽³⁹⁾ nhưng số vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền phải giải quyết giảm so với năm 2017⁽⁴⁰⁾.

Công tác phòng chống tham nhũng tiếp tục được triển khai đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực trên các mặt tổ chức và cơ chế lãnh đạo; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng chống tham nhũng. Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử đã có những kết quả nhất định, góp phần lập lại trật tự, kỷ cương trong thực hiện các quy định của pháp luật, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII ngày một hiệu quả.

3. Công tác dân tộc, tôn giáo: Công tác dân tộc được triển khai kịp thời có hiệu quả, chuẩn bị đề án tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện năm 2019. Tiến hành điều tra xã hội học chính sách giảm nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, tổ chức đánh giá kết quả 15 năm thực hiện công tác kết nghĩa giữa các cơ quan với bon, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Xây dựng được 304 người có uy tín trên địa bàn các bon, buôn có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, đây là người được đồng bào tín nhiệm và thường xuyên giúp đỡ, giải quyết những vấn đề vướng mắc có liên quan trực tiếp đến người dân trên địa bàn.

Tình hình hoạt động của tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, các chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, gắn bó với quê hương, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động từ thiện. Xây dựng quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; thực hiện giải pháp chỉ đạo của Ban Tôn giáo Trung ương về sự phục hồi hoạt động của tổ chức FULRO; tổ chức làm việc với Tòa giám mục Ban Mê Thuột. Tổ chức 02 hội nghị phổ biến Luật tín ngưỡng, tôn giáo cho 150 cán bộ các cấp và 150 chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

4. Về đối ngoại và bảo đảm an ninh, quốc phòng: Triển khai tốt và đạt nhiều kết quả quan trọng trong công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, đặc biệt là các hoạt động đối ngoại, hợp tác với tỉnh Mondulakiri, Vương quốc Campuchia.

³⁹ Nguyên nhân số lượt tiếp công dân, đơn thư tăng do các hộ dân có đất bị cưỡng chế, thu hồi trên địa bàn xã Đắk Ngo khi chưa được giải quyết nội dung khiếu nại, tố cáo nên kéo lên Trụ sở tiếp công dân tỉnh thời gian từ tháng 01 đến tháng 5/2018; đơn thư của 93 hộ dân bon Đắk Prih, xã Năm N'Dir, huyện Krông Nô; công dân đến khiếu kiện về phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư, việc cấp giấy CNQSDĐ; tố cáo vi phạm của chính quyền cơ sở... tăng tại các địa bàn Đắk Rlấp, Gia Nghĩa, Tuy Đức.

⁴⁰ Số lượng tiếp công dân tăng (tăng 459 lượt (28,3%) và 983 người (36,8%); số đơn thư tiếp nhận tăng 456 đơn (18,3%); số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền giảm 09 vụ việc (13,6%) và số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền giảm 11 vụ việc (31,4%) so với cùng kỳ năm 2017.

Tổ chức nhiều đoàn công tác của Lãnh đạo tỉnh sang thăm và làm việc với các cơ quan chức năng của Chính quyền tỉnh Monduliri nhân dịp các ngày lễ lớn⁽⁴¹⁾.

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là khu vực biên giới. Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ an toàn các mục tiêu, các hoạt động chính trị. Chủ động tấn công trấn áp tội phạm. Chỉ đạo, tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ cho huyện Đăk Song, huyện Đăk R'láp đạt loại giỏi. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2018 đạt kết quả tốt. Hoàn thành việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2018, đạt 100% chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển chọn, gọi công nhân nhập ngũ năm 2019. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định. Nắm tình hình ngoại biên và biên giới không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống. Đẩy mạnh các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, kiểm chế và giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ⁽⁴²⁾.

V. Đánh giá chung, tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt tương đối cao, tỷ lệ đạt và vượt chiếm 93,75%, tăng trưởng GRDP vượt KH đề ra đạt 8,21%. Tuy nhiên, còn một số tồn tại hạn chế trên một số ngành, lĩnh vực:

- Giá một số nông sản chủ lực của tỉnh tiếp tục ở mức thấp, ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của người dân, sản xuất một số ngành công nghiệp vẫn thiếu bền vững, thiếu vùng nguyên liệu. Thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp vẫn chưa có sự chuyển biến. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước triển khai chậm.

- Công tác quản lý hành lang đường bộ hiệu quả chưa cao, tình trạng lấn chiếm hành lang đường bộ, xâm phạm kết cấu công trình còn diễn ra. Tình trạng các phương tiện vận tải hành khách đón trả khách tùy tiện, vi phạm các quy định về quản lý vận tải. Tình trạng xe vận tải vật liệu xây dựng vi phạm các quy định về an toàn và môi trường còn khá phổ biến.

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS còn cao, giảm nghèo đồng bào DTTS còn chưa bền vững; tình trạng di dân tự do, mua bán lấn chiếm, tranh chấp đất đai còn diễn ra nhiều nơi, an ninh chính trị nông thôn còn tiềm ẩn yếu tố gây bất ổn.

- Đội ngũ giáo viên mầm non hiện còn thiếu. Tình trạng tai nạn trẻ em, nhất là đuối nước gia tăng. Cán bộ y tế các cấp còn thiếu, thiếu nhân lực trình độ cao, số cán bộ chuyên môn, đặc biệt là đội ngũ bác sỹ có trình độ đào tạo chuyên khoa I, II còn thấp.

⁴¹ Tham dự Lễ Kỷ niệm 39 năm ngày chiến thắng Khmer Đỏ kết hợp thăm chúc Tết Nguyên đán Mậu Tuất đến bà con Việt Kiều tại tỉnh Monduliri; chúc Tết cổ truyền Campuchia; thăm và chúc mừng thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Campuchia khóa VI, năm 2018; tổ chức tiếp đón chu đáo, trọng thị, theo đúng nghi thức ngoại giao đối với đoàn lãnh đạo cấp cao của tỉnh Monduliri, Vương quốc Campuchia sang thăm và chúc Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam Xuân Mậu Tuất 2018; Gửi Công hàm, Công thư nhân các ngày lễ quốc gia, lễ địa phương, các sự kiện của cá nhân đối tác và chia buồn

⁴² Xây ra 43 vụ nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, làm chết 48 người, bị thương 17 người (giảm 05 vụ, 02 người chết so với cùng kỳ năm 2017). Ngoài ra, còn xảy ra 38 vụ va chạm, làm bị thương 51 người .

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát: Phần đầu đạt cao các chỉ tiêu, làm nền tảng hoàn thành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế tư nhân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu các ngành kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*phấn đấu tăng 2-3 bậc xếp hạng PCI toàn quốc*). Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội và chăm lo đời sống, sức khỏe nhân dân. Phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả đối với toàn bộ các cơ quan trên địa bàn tỉnh. Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2019:

2.1. Tăng trưởng kinh tế: GRDP (giá 2010) tăng 8,09%⁽⁴³⁾/NQ 5 năm là 7,63%; Trong đó: Khu vực Nông nghiệp tăng 5,77%; Khu vực Công nghiệp xây dựng tăng 12,34%; Khu vực Dịch vụ tăng 8,91%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 8,52%⁽⁴⁴⁾.

2.2. Cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 45,08%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 16,46%; khu vực dịch vụ chiếm 32,32%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,13%/NQ 5 năm lần lượt là 45,16% - 20,7% - 28,58% - 5,56%, vượt NQ 5 năm⁽⁴⁵⁾.

2.3. GRDP bình quân đầu người: Đạt 48,47 triệu đồng⁽⁴⁶⁾/NQ 5 năm là 49,84 triệu đồng; Xấp xỉ đạt Nghị quyết 5 năm, *nguyên nhân là do dân số năm 2019 dự kiến 659 ngàn người/NQ 5 năm là 632 ngàn người; nếu tính trên dân số dự kiến theo NQ 5 năm thì GRDP bình quân đầu người đạt 50,51 triệu đồng.*

2.4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 18.500 tỷ đồng/NQ 5 năm là 16.981 tỷ đồng, vượt với NQ 5 năm. *Năm 2019, nhà máy luyện Nhôm Trần Hồng Quân tập trung lắp ráp máy móc để đưa nhà máy đi vào hoạt động do đó nguồn vốn đầu tư dự kiến đạt cao.*

⁴³ Một số sản phẩm góp phần tăng trưởng như ván MDF tăng 41%; Điện thương phẩm tăng 25%; Điện sản xuất tăng 6,7%; Alumin tăng 3,2%; cà phê tăng 6%; cao su tăng 10%; tiêu tăng 16%; ca cao tăng 12%; sắn riêng tăng 14%, bơ tăng 4%...

⁴⁴ Tăng trưởng kinh tế (tính theo hệ số mới): GRDP (giá 2010) tăng 7,12%. Khu vực Nông nghiệp tăng 4,94%; Khu vực Công nghiệp xây dựng tăng 11,3%; Khu vực Dịch vụ tăng 7,41%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 6,93%.

⁴⁵ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (tính theo hệ số mới): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 45,1%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 16,44%; khu vực dịch vụ chiếm 32,33%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 6,13%

⁴⁶ GRDP bình quân đầu người (tính theo hệ số mới): Đạt 48,44 triệu đồng, trên dân số dự kiến 659 ngàn người.

2.5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 2.358 tỷ đồng (do Bộ Tài chính thống nhất chỉ tiêu giao)/NQ 5 năm 2.241 tỷ đồng. Theo NQ 5 năm, thu ngân sách hàng năm tăng 12%, căn cứ số thu 2018 thì năm 2019 phấn đấu đạt trên 2.500 tỷ đồng, căn cứ số thực hiện đến tháng 6/2019, UBND tỉnh sẽ xem xét, trình HĐND tỉnh điều chỉnh giao phần vượt thu để bổ sung nhiệm vụ chi vào kỳ họp giữa năm.

2.6. Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 63,5%/NQ 5 năm 63%, vượt NQ 5 năm.

2.7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Bảo đảm nguồn nước cho 78% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới/NQ 5 năm 78%; 89% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh/NQ 5 năm 89%; 98% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch/NQ 5 năm 98%, bằng NQ 5 năm.

2.8. Hạ tầng cấp điện: 98% số hộ được dùng điện/NQ 5 năm 98,5%. Tỷ lệ thôn, bon, buôn có điện lưới Quốc gia 99,5%/NQ 5 năm 100%, xấp xỉ NQ 5 năm do dự án Cấp điện nông thôn giai đoạn 2014-2020 theo chương trình của Chính phủ thiếu vốn triển khai.

2.9. Dân số bình quân 659 ngàn người/NQ 5 năm 632 ngàn người, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,1%, vượt NQ 5 năm sau rà soát thống kê dân số.

2.10. Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18 ngàn người/NQ 5 năm 18 ngàn người; Đào tạo nghề cho 3,8 ngàn người/NQ 5 năm 3,8 ngàn người, bằng NQ 5 năm.

2.11. Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2,5% trở lên/NQ 5 năm 2%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên/NQ 5 năm 5%, vượt NQ 5 năm.

2.12. Y tế: 59,2% xã ⁽⁴⁷⁾ đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế/NQ 5 năm 59,2%; 87,3% dân số tham gia bảo hiểm y tế/NQ 5 năm 80,6%, vượt NQ 5 năm.

2.13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia 8 trường/NQ 5 năm 8 trường; 69% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học/NQ 5 năm 69%, bằng NQ 5 năm.

2.14. Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 79%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 75,8%; Xã, phường, thị trấn văn hóa 31%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 89,3%/NQ 5 năm lần lượt là 79% - 64% - 19% - 89%, vượt NQ 5 năm.

2.15. Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng 39,3%/NQ 5 năm 41,5%.

2.16. Nông thôn mới: Có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế đạt 21 xã), mỗi xã đạt bình quân 13,9 tiêu chí trở lên/NQ 5 năm thêm 3 xã, lũy kế 14 xã.

Như vậy, xây dựng kế hoạch năm 2019, trong 16 nhóm chỉ tiêu có 10 nhóm chỉ tiêu phấn đấu vượt Nghị quyết 5 năm (gồm: Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Cơ cấu kinh tế; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Thu ngân sách nhà nước; Hạ

⁴⁷ Thêm 02 xã, lũy kế đạt 42 xã

tầng giao thông; dân số; giảm nghèo; văn hóa; y tế và nông thôn mới); 05 nhóm chỉ tiêu xây dựng theo Nghị quyết 5 năm (gồm GRDP bình quân đầu người; Hạ tầng cấp thoát nước đô thị; Hạ tầng cấp điện; lao động và việc làm; giáo dục và đào tạo); 01 chỉ tiêu xây dựng thấp hơn (Chỉ tiêu phát triển rừng).

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 của HĐND tỉnh

Tiếp tục triển khai theo tiến độ các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020 và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của HĐND tỉnh. Cụ thể hóa theo lộ trình Kế hoạch 5 năm vào kế hoạch năm 2019. Triển khai hiệu quả các chính sách, quy định mới của Trung ương trên địa bàn.

Triển khai việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch ngay khi có hướng dẫn thực hiện của Trung ương. Lập kế hoạch đào tạo, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý quy hoạch từ tỉnh đến cơ sở, huy động nhiều nguồn vốn thực hiện quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng.

2. Về phát triển công nghiệp

Hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất để Nhà máy điện phân nhôm đi vào hoạt động và có sản phẩm vào cuối năm 2019. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đến kết quả cuối cùng trong triển khai thực hiện dự án, trong đó trọng tâm là tháo gỡ những khó khăn của các dự án lớn, trọng điểm, có đóng góp lớn đối với tăng trưởng và có sự lan tỏa đối với phát triển. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công nghiệp, nhằm bù đắp sự thiếu hụt sản phẩm công nghiệp do chưa có sản phẩm nhôm theo kế hoạch đề ra, đặc biệt là hỗ trợ các điện mặt trời, dự án thủy điện, hạ tầng thương mại để sớm có sản phẩm.

Thực hiện tốt quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, tăng cường hợp tác liên kết với người dân trong việc phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo đầu vào cho chế biến. Tiếp tục thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến nông sản, khoáng sản, hỗ trợ công nghiệp bột, các sản phẩm sau nhôm, công nghiệp phụ trợ. Rà soát các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, chuyển đổi quy hoạch, tập trung vào các cụm công nghiệp có triển vọng, tìm giải pháp đầu tư.

3. Về phát triển nông nghiệp và nông thôn

Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công nhiệm vụ để triển khai thực hiện hiệu quả 02 Nghị quyết quan trọng của HĐND tỉnh về nông nghiệp gồm: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Đề án quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nhằm mục tiêu tăng năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế của các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Thực hiện Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp ở từng lĩnh vực, địa phương, phân đầu đạt và vượt 14 chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí giám sát, đánh giá về

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 tại Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát các vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được quy hoạch, tiến hành đánh giá mức độ hoàn thành các Tiêu chí để xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) của tỉnh, dựa vào Điều 2 của Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng NNUDCNC; xây dựng hoạt động, hỗ trợ các vùng hoàn thành các tiêu chí để xây dựng vùng NNUDCNC của tỉnh, trình công nhận vùng NNUDCNC theo quy định. Thực hiện có hiệu quả Nghị định 57/NĐ-CP của Chính phủ và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ngay trong năm 2019, chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân, tăng tỷ lệ vốn đầu tư ngoài nhà nước đầu tư vào nông nghiệp.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo phương thức lồng ghép với nhiều chương trình, dự án trên cùng một địa bàn. Phát huy nguồn lực từ các nhà tài trợ cho các dự án ODA (Phát triển CSHT nông thôn, WB8, ADB 8, VnSAT...), các chương trình mục tiêu vào triển khai xây dựng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

4. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch: Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; thực hiện Kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước tại Kế hoạch số 558/KH-UBND ngày 05/12/2016; xây dựng kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng chủ lực tỉnh Đắk Nông đến năm 2020. Thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, chú trọng xúc tiến thương mại ngoài nước, giúp doanh nghiệp tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường huy động nguồn lực để cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo cung ứng hàng hóa, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến, để bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, của doanh nghiệp và chống thất thu cho ngân sách nhà nước.

Hoàn thiện hồ sơ Công viên địa chất Đắk Nông trình UNESCO công nhận là công viên địa chất toàn cầu. Xây dựng kế hoạch cụ thể để phân công nhiệm vụ khuyến khích, quảng bá, thu hút để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Khảo sát, thống kê dịch vụ du lịch, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch; khảo sát, thanh kiểm tra hoạt động kinh doanh du lịch, tình hình phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh.

5. Về cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh: Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đề ra tại Nghị quyết số 19, Nghị quyết số 35 của Chính phủ và các văn bản đã cụ thể hóa của UBND tỉnh với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào. Thực hiện hiệu quả kế hoạch triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Các tổ chức tín dụng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, cá nhân được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư, thuế, đất đai, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp đến kết quả cuối cùng theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên ngành trong công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó kết hợp rà soát thu hồi các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc doanh nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật.

6. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển: Thực hiện các biện pháp tăng nguồn thu, trong đó chú trọng các nguồn thu từ sản xuất kinh doanh, thu tiền sử dụng đất, giải quyết nợ đọng thuế, chống thất thu thuế, bồi dưỡng nguồn thu, để tăng nguồn cho ngân sách vào chi đầu tư phát triển. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng công khai quy trình thủ tục; hỗ trợ, hướng dẫn, phục vụ tốt nhất cho người nộp thuế. Tuân thủ nghiêm và triển khai có hiệu quả Luật Đầu tư công và Luật Đấu thầu. Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

Làm việc với các Bộ ngành Trung ương để sớm trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung Khu công nghiệp Nhân Cơ 2 vào quy hoạch tổng thể phát triển Khu công nghiệp quốc gia đến năm 2020. Tập trung hoàn thiện dự án cơ sở hạ tầng bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ, tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp chưa hoàn thiện. Lập quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù Trung tâm công nghệ khai thác chế biến bô xít - nhôm tại Đắk Nông. Đẩy nhanh tiến độ dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, tiếp tục đề nghị EVN hoàn thiện mạng lưới truyền tải điện toàn tỉnh.

7. Về bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách: Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi của nhà nước; tăng cường các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc; tổ chức thăm hỏi, động viên trong các

dịp lễ, Tết đối với người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động nguồn lực phục vụ thực hiện công tác giảm nghèo, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kịp thời, đủ để thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo, chú trọng huy động sự đóng góp của doanh nghiệp, vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức toàn xã hội trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Triển khai các hoạt động phòng, chống tai nạn, phòng chống đuối nước; các chương trình hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

8. Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân: Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Đẩy mạnh chương trình hợp tác y tế với Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh; nâng cao vai trò, năng lực điều trị tại bệnh viện đa khoa các tuyến, đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Thành lập Khoa Tim mạch - Lão học tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và đưa vào hoạt động để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

9. Về công tác giáo dục đào tạo: Phát triển theo hướng chuẩn hóa toàn diện ở các cấp học, nhất là giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số, giảm tỷ lệ học sinh đồng bào dân tộc thiểu số bỏ học. Tiếp tục xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, gương mẫu và trách nhiệm nghề nghiệp. Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện các Đề án theo Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, ngành giáo dục. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng trường chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới và phù hợp với các quy định mới của Trung ương.

10. Về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm: Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm; tăng tần suất, nâng cao chất lượng hoạt động của các phiên giao dịch việc làm. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn quy định, tổ chức đào tạo nghề theo hướng tăng thời gian thực hành, thực hành có chất lượng gắn với thực tiễn khoa học, kỹ thuật nhằm nâng cao tay nghề phù hợp với yêu cầu xã hội. Thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm. Tạo điều kiện thuận lợi, ưu tiên cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn đầu tư cho sản xuất thu hút nhiều lao động vào làm việc. Đồng thời, lồng ghép các hoạt động của chương trình cho vay vốn giải quyết việc làm và chương trình giảm nghèo để phát huy hiệu quả vốn vay; tạo việc làm mới và ổn định cuộc sống.

11. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao: Xây dựng văn hóa, đời sống con người phát triển toàn diện, bảo tồn kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bản địa; từng bước hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở và sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh. Xây dựng và phát triển thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực của nhân dân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tổ chức Hội thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XI, khu vực II năm 2019.

12. Về phát triển khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông: Triển khai thực hiện Dự án Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Bảo đảm thông tin liên lạc đặc biệt vào các dịp lễ lớn. Xây dựng Nghị quyết chính sách hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Xây dựng quy chế bảo đảm tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh khi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp công nghệ cao; chú trọng lồng ghép việc thực hiện nhiệm vụ thuộc các chương trình quốc gia về khoa học công nghệ để giải quyết mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

13. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo vệ rừng: Tiếp tục tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, tập trung triển khai thực hiện tốt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

Bảo vệ bằng được diện tích rừng tự nhiên hiện có trên địa bàn tỉnh là 209.807,10 ha, giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng phá rừng tự nhiên. Tập trung đẩy mạnh công tác trồng rừng, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên. Tổ chức rà soát, thống kê toàn bộ diện tích trồng cây lâm nghiệp trên địa bàn quản lý; đề xuất cập nhật vào diễn biến rừng hàng năm.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; đồng thời triển khai thực hiện các đề án đánh giá tổng thể các tác động môi trường, tình trạng sạt lở từ các hoạt động khai thác cát và Đề án ứng phó toàn diện với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Tập trung kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

14. Về cải cách hành chính, tư pháp và nội chính: Xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từng sở, ngành, UBND huyện, thị xã chủ động triển khai có hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình, giải quyết khó khăn của doanh nghiệp và người dân đến kết quả cuối cùng. Nghiêm túc triển khai có kết quả tốt các chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện các Kế hoạch 300, 386/KH-UBND của UBND tỉnh đảm bảo về nội dung, lộ trình thời gian cụ thể, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo tại Chương trình hành động 26 và 30-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Nghị Quyết 18,19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị.

15. Giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Tăng cường công tác thanh tra, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để trở thành “điểm nóng”, gây mất an ninh trật tự. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án tham nhũng phát sinh; đồng thời, rà soát để xử lý dứt điểm những vụ việc có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng tồn đọng; xử lý kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến tham nhũng.

16. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh: Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Hoàn thành các chỉ tiêu về động viên, xây dựng lực lượng, tuyển quân do Trung ương giao. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, các phòng chuyên môn, CTTĐT;
- Lưu: VT, TH, KTKH.

05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn

Phụ lục số 01

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 60 /BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Năm 2019		So sánh ước TH/KH năm 2018	So sánh ước TH năm 2018/TH năm 2017	So sánh KH năm 2019/UTH năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ										
	Tổng giá trị gia tăng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	17.759	19.120	19.217	20.855	20.771	100,51%	108,21%	108,09%	
	<i>Trong đó:</i>										
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	7.822	8.329	8.288	8.271	8.766	99,51%	105,96%	105,77%	
1	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	2.800	3.115	3.137	4.499	3.524	100,71%	112,04%	112,34%	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	6.052	6.515	6.601	6.814	7.189	101,32%	109,07%	108,91%	
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	1.085	1.161	1.191	1.271	1.292	102,58%	109,77%	108,48%	
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	9,33%	7,52%	8,21%	7,63%	8,09%				
	Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	25.871	28.479	29.337	31.514	31.941				
	<i>Trong đó:</i>										
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	12.741	13.682	13.555	14.231	14.399				
2	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	3.912	4.377	4.661	6.522	5.258				
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	7.804	8.935	9.636	9.008	10.325				
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	1.414	1.485	1.485	1.753	1.959				
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	41,26	44,85	45,24	49,84	48,47	100,87%	109,65%	107,14%	
	Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế	%	100	100	100	100	100				
	<i>Trong đó:</i>										
3	+ Nông, lâm nghiệp	%	49,25	48,04	46,20	45,16	45,08				
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	15,12	15,37	15,89	20,70	16,46				



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Năm 2019		So sánh ước TH/KH năm 2018	So sánh ước TH năm 2018/TH năm 2017	So sánh KH năm 2019/UTH năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
	+ Dịch vụ	%	30,17	31,37	32,85	58,58	32,33				
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	5,47	5,21	5,06	5,56	6,13				
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	13.280	15.234	15.281	16.981	18.500	100,31%	115,07%	121,07%	
	Xuất - nhập khẩu										
5	Giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.035	1.000	1.158	900	1.298	115,80%	111,88%	112,09%	
	Giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	180	130	350	150	220	269,23%	194,44%	62,86%	
	Thu - Chi ngân sách										
6	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2.060	2.000	2.300	2.241	2.358	115,00%	111,65%	102,52%	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	5.762	6.473	7.521	6.966	6.322	116,19%	130,53%	84,06%	
7	Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	12.258	14.641	14.641	16.105	16.105	100,00%	119,44%	110,00%	
	Hạ tầng giao thông										
8	Nhựa hóa đường toàn tỉnh	%	59	61	61,15	63	63,5				
	<i>Trong đó: Nhựa hoá đường huyện</i>	%	88	92	92	96	96				
	Hạ tầng cấp, thoát nước đô thị										
9	- Tỷ lệ đáp ứng cho điện tích có nhu cầu tưới	%	74	76	76	78	78				
	- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	87	88	88	89	89				
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	94	96	96	98,0	98				
	- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	100	100	100	100				
	Hạ tầng cấp điện										
10	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%	97,0	97,5	97,5	98,5	98				
	- Tỷ lệ thôn, buôn, bon có điện lưới QG	%	99	99	99	100	99,5				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Năm 2019		So sánh ước TH/KH năm 2018	So sánh ước TH năm 2018/TH năm 2017	So sánh KH năm 2019/UTH năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
1	II CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG										
	Dân số trung bình										
	- Dân số trung bình	Ngàn người	627	635	644	632	659				
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1				
2	- Mức tỉ lệ giảm sinh	%	0,8	0,8	0,8	0,8	0,8				
	Lao động và việc làm										
	- Số lao động được giải quyết việc làm	Người	18.271	18.000	18.280	18.000	18.000	101,56%	100,05%	98,47%	
	- Đào tạo nghề	Người	4.385	3.800	3.949	3.800	3.800	103,92%	90,06%	96,23%	
3	- Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	39	41	41	43	42,5				
	Giảm nghèo:										
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều)	%	Giảm 2,63%	Giảm 2%	Giảm 2,5%	Giảm 2%	Giảm 2,5%				
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm 9,34%	Giảm 5%	Giảm 5%	Giảm 3%	Giảm 5%				
4	Y tế										
	- Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	18,0	18,2	18,2	18,5	18,5				
	- Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	7,0	7,5	7,5	7,7	7,7				
	- Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia về y tế xã	%	50,7	56,3	56,3	59,2	59,2				
5	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	21,1	20,6	20,6	18,5	20,1				
	- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	93	>=90	96,5	>=90	>=90				
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	83,0	84,9	85,0	80,6	87,3				
	Giáo dục										
- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học	%	67	68	68,5	69	69					
- Số trường ở các cấp học được công nhận đạt chuẩn quốc gia mới	Trường/năm	11	8	13	8	8	162,50%	118,18%	61,54%		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Năm 2019		So sánh ước TH/KH năm 2018	So sánh ước TH năm 2018/TH năm 2017	So sánh KH năm 2019/UTH năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
6	Văn hóa										
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa	%	77,76	78,00	78,00	79,00	79,00				
	- Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa	%	75,79	75,79	75,79	64,00	75,80				
	- Xã, phường, thị trấn văn hóa	%	29,58	24,50	29,58	19,00	31,00				
	- Cơ quan văn hóa	%	89,30	88,80	88,80	89,00	89,30				
7	Chỉ tiêu về môi trường										
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	39,4	40,0	39,2	41,5	39,3				
	- Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	2.146	1.834	1.600	1.000	1.000	87,24%	74,56%	62,50%	
	- Tỷ lệ giảm các vụ phá rừng (giảm % số vụ và diện tích so với năm trước)	%	Giảm 24% số vụ; giảm 23% diện tích	Giảm 50% số vụ và diện tích	Giảm 10% số vụ; giảm 40% diện tích	Giảm 50% số vụ và diện tích	Giảm 50% số vụ và diện tích				
	Nông thôn mới:										
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	5 (lũy kế 10 xã)	4 (lũy kế 14 xã)	6 (lũy kế 16 xã)	3 (lũy kế 14 xã)	5 (lũy kế 21 xã)				
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	11,84	12,50	12,80	13,90	13,90	102,40%	108,11%	108,59%	

Phụ lục số 02

CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 600 /BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Năm 2019		Số sánh ước TH /KH năm 2018	Số sánh ước TH năm 2018/TH năm 2017	Số sánh KH năm 2019/UTH năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
I	Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu										
1	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	399.660	413.906	465.704	399.240	469.297	112,5	116,5	100,8	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	74.640	78.580	85.681	72.000	81.623	109,0	114,8	95,3	
	+ Ngô	Tấn	325.020	335.326	380.023	327.240	387.674	113,3	116,9	102,0	
2	Sắn	Tấn	222.300	211.390	242.440		206.431	114,7	109,1	85,1	
3	Khoai lang	Tấn	87.100	103.522	89.431		74.527	86,4	102,7	83,3	
4	Rau xanh	Tấn	69.593	52.354	62.025		63.173	118,5	89,1	101,9	
5	Đậu các loại (thực phẩm)	Tấn	8.031	8.432	6.659		6.736,50	79,0	82,9	101,2	
6	Đậu các loại (công nghiệp)	Tấn	18.714	20.051	20.790		23.426	103,7	111,1	112,7	
7	Mía	Tấn	12.169	12.140	4.176		4.176	34,4	34,3	100,0	
8	Chanh dây	Tấn	23.090	10.890	23.055		19.666	211,7	99,8	85,3	
9	Cà phê nhân	Tấn	267.499	279.723	291.513	331.480	309.564	104,2	109,0	106,2	
10	Cao su (mủ tươi)	Tấn	26.566	28.200	35.036	40.000	38.535	124,2	131,9	110,0	
11	Điều	Tấn	15.242	15.173	14.345		15.147	94,5	94,1	105,6	
12	Tiêu	Tấn	38.302	59.586	51.853	21.720	60.049	87,0	135,4	115,8	
13	Ca cao	Tấn	700	695	534		598	76,8	76,3	112,0	
14	Sầu riêng	Tấn	8.228	12.450	8.315		9.450	66,8	101,1	113,7	
15	Bơ	Tấn	4.253	10.535	13.116		13.592	124,5	308,4	103,6	
II	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu										

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Năm 2019		Số sánh ước TH /KH năm 2018	Số sánh ước TH năm 2018/TH năm 2017	Số sánh KH năm 2019/UTH năm 2018	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm	Nghị quyết 5 năm	Kế hoạch				
1	Đá xây dựng các loại	10 ³ m ³	950	1.100	1.100	4.400	1.300	100,0	115,8	118,2	
2	Khí CO2	Tấn	4.700	4.900	4.900	16.500	5.800	122,5	104,3	118,4	
3	Gạch xây dựng	Tr.viên	210	210	210	300	230	100,0	100,0	109,5	
4	Cát xây dựng	10 ³ m ³	1.000	1.100	1.100	390	1.200	100,0	110,0	109,1	
5	Còn công nghiệp	Tấn	13.120	12.000	12.000	44.000	15.000	80,0	91,5	125,0	
6	Cà phê bột	Tấn	1.210	1.400	1.400	1.500	1.500	100,0	115,7	107,1	
7	Gỗ cưa hoặc xẻ XDCB	m ³	9.500	8.400	8.400	33.200	8.400	84,0	88,4	100,0	
8	Ván MDF	m ³	50.000	70.900	70.900	50.000	120.000	70,9	141,8	169,3	
9	Chế biến cà phê nhân	10 ³ tấn	240	240	250	250	270	104,2	104,2	108,0	
10	Bàn, ghế, giường, tủ bằng gỗ các loại	S.phẩm	198.680	135.000	135.000	47.900	135.000	69,2	67,9	100,0	
11	Tinh bột sắn	Tấn	24.600	28.500	28.500	29.000	29.500	100,0	115,9	103,5	
12	Mủ Cao su (SVR10, RSS...)	Tấn	8.243	11.000	11.000	8.400	12.500	100,0	133,4	113,6	
13	Hạt điều nhân	Tấn	2.500	3.000	4.000	3.600	4.500	133,3	160,0	112,5	
14	Đậu phộng, đậu nành sảy	Tấn	3.500	3.700	4.600	6.700	4.900	124,3	131,4	106,5	
15	Bồn Inox, bồn nhựa	S. phẩm	44.616	51.800	100.000	29.000	110.000	193,1	224,1	110,0	
16	Điện thương phẩm	Tr.kwh	461	528	528	420	660	100,0	114,5	125,0	
17	Điện sản xuất	Tr.kwh	1.512	1.450	1.520	1.550	1.622	104,8	100,5	106,7	
18	Nước máy	10 ³ m ³	3.100	3.500	4.320	1.450	4.550	123,4	139,4	105,3	
19	Đá sê ốp lát	10 ³ m ²	680	700	700	250	720	100,0	102,9	102,9	
20	Sản phẩm Alumin	10 ³ tấn	502	500	620	600	640	124,0	123,5	103,2	